

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2022/DS-PT

Ngày: 08 – 9 – 2022

**V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán và đòi lại tài sản*”.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Ông Dương Quốc Tuấn

Ông Võ Thái Sơn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Kiều Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 70/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán và đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 103/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hợp tác xã T; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện N, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn B – Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bị đơn: Hợp tác xã nông nghiệp An H; địa chỉ: khu vực An H1, phường P1, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn P – Chức vụ Giám đốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Ngọc Q; địa chỉ khu vực L, phường Thốt N1, quận Thốt N2, TP Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: bà Huỳnh Thị Bích M – chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thùy R; địa chỉ khu vực Thới Q, phường O, quận Thốt N2, TP Cần Thơ.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Hợp tác xã T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn Hợp tác xã T, đại diện theo pháp luật ông Trần Văn B trình bày: Vào năm 2018 (vụ lúa đông xuân 2018-2019) ông Nguyễn Văn P đại diện Hợp tác xã nông nghiệp An H (gọi tắt HTX An H) có mua của hợp tác xã T (gọi tắt HTX T) 02 máy bơm trị giá 7.000.000^d, ông P nhiều lần mượn tiền của HTX T để mua nhiên liệu phục vụ cho HTX An H với số tiền 14.740.000^d đến nay chưa trả.

Vụ lúa Đông Xuân năm 2018 – 2019 HTX An H có hợp đồng với Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Ngọc Q (gọi tắt là Công ty) thỏa thuận nhận lúa giống về giao cho bà con gieo sạ, đến khi thu hoạch thì bán lúa thương phẩm cho Công ty. Sau khi ông P nhận lúa giống về có chia lại cho HTX T 04 tấn lúa RVT, ông nhận lúa giống về giao lại cho bà con trong hợp tác xã, việc ông P giao lúa giống cho ông không có làm hợp đồng, chỉ thỏa thuận miệng, ông có trách nhiệm trả tiền lúa giống cho ông P và khi thu hoạch thì bán lúa lại cho Công ty Ngọc Q.

Đến khi thu hoạch lúa thì nhân viên Công ty và ông P mua lúa của bà con, giá lúa RVT Công ty mua là 5.600^d/kg, ông mua lại của bà con tùy cánh đồng, có khi mua 5.450^d/kg hoặc 5.500^d/kg, phần chênh lệch giá ông được hưởng. Lúa RVT HTX T bán cho Công ty là 662.424 kg; lúa 5451 của bà con tại xã T1 199.264 kg, thỏa thuận công ty sẽ trả hoa hồng cho ông là 50đồng/kg và ông bán

lúa của bà con tại xã V giống lúa RVT cho Công ty là 166.366 kg, số lúa này HTX T cọc và mua lúa từ bà con bán lại cho Công ty, ông được hưởng chênh lệch giá là 300^d/kg và hưởng hoa hồng 50^d/kg từ Công ty. Ngoài ra HTX T có thuê giùm Công ty ghe vận chuyển lúa và nhân công ngũ giữ lúa với số tiền 6.561.000^d. Việc thỏa thuận mua lúa, hưởng hoa hồng, giá chênh lệch, thuê ghe vận chuyển và thuê nhân công ngũ giữ chỉ thỏa thuận miệng với Công ty, không có hợp đồng. Tổng số tiền Công ty Ngọc Q còn nợ ông là 154.678.000^d.

Nay HTX T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn P đại diện HTX An H trả cho ông số tiền 21.740.000^d và buộc Công ty trả cho HTX T số tiền hưởng hoa hồng, giá chênh lệch, thuê ghe vận chuyển và thuê nhân công ngũ giữ là 154.678.000^d.

Bị đơn hợp tác xã nông nghiệp An H đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn P trình bày: HTX An H có mua 02 máy bơm nước của HTX T và thừa nhận HTX An H nhiều lần mượn tiền của HTX T với số tiền 14.740.000^d đồng để mua nhiên liệu, vật tư phục vụ cho sản xuất. HTX An H đồng ý trả số tiền mua 02 máy bơm và tiền mượn tổng cộng 21.740.000^d đồng cho HTX T.

Đối với HTX T yêu cầu Công ty trả số tiền hưởng hoa hồng, giá chênh lệch, thuê ghe vận chuyển và thuê nhân công ngũ giữ là 154.678.000^d hợp tác xã An H có ý kiến như sau: Vụ lúa Đông Xuân năm 2018 – 2019, HTX An H có hợp đồng với Công ty Ngọc Q, qua đó Công ty cung cấp lúa giống cho HTX An H để phân phối cho bà con gieo sạ, đến khi thu hoạch thì bà con bán lại cho công ty. Sau khi nhận lúa giống về thì HTX An H liên kết với HTX T và giao lúa giống về cho HTX T phân phối cho bà con. Ngày 28/02/2019 giữa HTX An H và Công ty thỏa thuận giá Công ty mua lúa OM 5451 là 5.000^d/kg, giá lúa RVT là 5.600^d/kg. Đến thời điểm thu hoạch thì giá lúa lên, HTX T bán một số lúa cho thương lái khác và giao không đủ cho HTX An H để bán lại cho Công ty như thỏa thuận giữa hai hợp tác xã. Tiền lúa giống HTX T giao cho bà con chưa thanh toán cho HTX An H để HTX An H trả tiền Công ty. Do HTX T không giao đủ số lượng lúa và tiền giống, do công ty và bà con chưa thanh toán tiền lúa giống, nên HTX An H còn nợ tiền giống của Công ty; Nên phần tiền hoa hồng, giá chênh lệch, thuê ghe vận chuyển và thuê nhân công ngũ giữ phía Công ty chưa thanh toán cho HTX An H, khi nào Công ty thanh toán số tiền này cho HTX An H thì HTX An H sẽ chia lại cho HTX T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Ngọc Q, đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thùy R trình bày: Công ty Ngọc Q không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn HTX T về việc yêu cầu công ty trả 154.678.000^d. Công ty không có ký hợp đồng hay thỏa thuận nào với HTX T cũng như ông Bình, Công ty chỉ có ký kết hợp đồng với HTX An H từ giao giống đến khi thu mua lúa. Cụ thể Công ty giao cho HTX An H 40 tấn lúa giống (trong đó giống RVT là 20 tấn, giống OM 5451 20 tấn) với tổng số tiền là 566.230.000^d, HTX An H có trách nhiệm nhận lúa giống, giao lúa giống cho bà con và sau khi thu hoạch bán lúa lại cho Công ty, giá lúa thu mua là chốt giá theo giá trị trường từ 10-15 ngày trước khi thu hoạch.

Khi thu hoạch lúa HTX An H cũng đã đứng ra bán lúa của bà con cho Công ty và Công ty đã trả tiền lúa cho người dân xong, nhưng không đủ số lượng như thỏa thuận giữa Công ty và HTX An H. Công ty có thỏa thuận cho HTX An H hưởng hoa hồng và các chi phí phát sinh. Tuy nhiên do HTX An H còn nợ tiền lúa giống của Công ty 358.230.000^d. Vì vậy tiền hoa hồng và các chi phí phát sinh của HTX An H Công ty sẽ tính toán khi HTX An H trả đủ số tiền lúa giống cho Công ty.

Về số tiền lúa giống HTX An H còn nợ Công ty và tiền hoa hồng chi phí phát sinh Công ty nợ HTX An H chưa yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này. Đối với việc HTX An H và HTX T thỏa thuận với nhau Công ty không biết và cũng không có liên quan; vì vậy Công ty không đồng ý trả 154.678.000^d theo yêu cầu của HTX T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã T do ông Trần Văn B đại diện. Buộc Hợp tác xã Nông nghiệp An H do ông Nguyễn Văn P đại diện có nghĩa vụ trả cho Hợp tác xã T số tiền 21.470.000^d (hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã T do ông Trần Văn B đại diện về việc yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Ngọc Q trả số tiền 154.678.000^d (một trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, nguyên đơn Hợp tác xã T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Ngọc Q trả cho nguyên đơn số tiền 154.678.000^d.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu Công ty trả cho HTX T số tiền hưởng hoa hồng, giá chênh lệch, tiền thuê ghe vận chuyển và tiền thuê nhân công ngũ giữ là 154.678.000^d.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng, quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm, do HTX T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh giữa HTX T và Công ty ký kết hợp đồng, không chứng minh được Công ty nợ của HTX T; Tất cả các chứng cứ nguyên đơn cung cấp đều thể hiện Công ty ký kết với HTX An H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện cho rằng, vụ lúa Đông Xuân năm 2018 – 2019 HTX T mua lúa của bà con bán lại cho Công ty, thỏa thuận công ty sẽ trả tiền chênh lệch 300^d/kg lúa và tiền hoa hồng 50^d/kg lúa cho HTX T. Ngoài ra HTX T có thuê giùm Công ty ghe vận chuyển lúa và nhân công ngũ giữ lúa với số tiền 6.561.000^d. Việc thỏa thuận mua lúa, hưởng hoa hồng, giá chênh lệch, thuê ghe vận chuyển và thuê nhân công ngũ giữ tổng số tiền Công ty Ngọc Q còn nợ ông là 154.678.000^d chưa thanh toán. Nguyên đơn yêu cầu Công ty trả cho HTX T số tiền hưởng hoa hồng, giá chênh lệch, thuê ghe vận chuyển và thuê nhân công ngũ giữ là 154.678.000^d. Công ty Ngọc Q cho rằng không có ký kết hợp đồng với HTX T mà Công ty Ngọc Q ký kết hợp đồng với HTX An H; các giao dịch

mua bán giữa Công ty với HTX An H chưa tranh chấp. Đối với HTX T Công ty không có giao dịch nên không có nợ HTX T số tiền 154.678.000^d.

[3] Xét Kháng cáo của HTX T về việc yêu cầu Công ty Ngọc Q trả số tiền hưởng hoa hồng, giá chênh lệch, thuê ghe vận chuyển và thuê nhân công ngũ giữ là 154.678.000^d: Hội đồng xét xử nhận thấy, Theo hồ sơ thể hiện và các chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ đều không có thể hiện hợp đồng hay thỏa thuận giữa HTX T với Công ty; Trong khi đó Công ty chứng minh ngày 04/11/2018 Công ty Ngọc Q có ký kết hợp đồng mua bán giống lúa số 01/HĐMB.2018/QP-AHOA với HTX An H do ông Nguyễn Văn P làm đại diện và ông P còn nợ lại 358.230.000^d; đến ngày 28/02/2019 giữa công ty Ngọc Q và HTX An H thỏa thuận HTX An H thu mua lúa của người dân bán lại Công ty và Công ty đã trả đầy đủ tiền lúa cho người dân; còn khoản tiền hoa hồng, tiền chênh lệch, chi phí vận chuyển, tiền công nhân phía Công ty có nợ HTX An H; Tuy nhiên HTX An H vi phạm hợp đồng giao số lượng lúa không đủ như thỏa thuận ngày 28/02/2019 và HTX An H chưa trả tiền lúa giống cho Công ty. Lời trình bày của Công ty được HTX An H thừa nhận và HTX An H cũng cho rằng HTX An H và Công ty chưa yêu cầu giải quyết tranh chấp giữa các bên. HTX An H cũng thừa nhận sau khi nhận lúa giống về phân phối cho nông dân HTX An H có thỏa thuận phân phối cho HTX T 20 tấn lúa giống và 22.000.000^d bao gồm phí vận chuyển và tiền bóc vác (Biên bản đối chất 22/7/2022); theo thỏa thuận đến thu hoạch HTX T mua lúa từ người dân giao lại cho HTX An H bán lại Công ty, tuy nhiên số lượng lúa HTX T giao cho HTX An H không đủ số lượng như thỏa thuận. HTX T cũng thừa nhận là không ký kết hợp đồng với Công ty mà chỉ giao dịch miệng với Công ty trong việc thỏa thuận hưởng hoa hồng, tiền chênh lệch, thuê phương tiện vận chuyển, nhân công ngũ giữ lúa; HTX T cũng thừa nhận nhận lúa giống từ HTX An H nhưng chỉ nhận khoảng 3,7 tấn và không nhận tiền.

[3.1] Hội đồng xét xử nhận thấy, Công ty chỉ ký kết hợp đồng với HTX An H do ông P làm đại diện trong khâu phân phối giống, đến thời điểm trước khi thu hoạch thì Công ty và HTX An H chốt lại giá lúa sẽ mua cho người dân; giữa Công ty và HTX T không có ký kết hợp đồng nào trong việc phân phối giống và thu mua lúa lại trong dân khi đến thu hoạch; Chứng cứ HTX T cung cấp tại tòa phúc thẩm theo biên bản ngày 08/8/2022 và tài liệu có trong hồ sơ đều thể Công ty ký kết với HTX An H, không có chứng cứ chứng minh Công ty thỏa thuận

với HTX T và điều này cũng phù hợp với thừa nhận giữa đại diện của hai Hợp tác xã với nhau, dù lời trình bày số lúa, số tiền giao nhận có khác nhau nhưng việc thực hiện nhận giống của HTX T từ HTX An H là có thật. HTX T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh Công ty còn nợ tiền HTX T là 154.678.000^d, nên không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Trong quá trình giải quyết giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa ngày hôm nay ông P đại diện HTX An H cũng thừa nhận giữa HTX An H và HTX T còn nhiều khoản tiền chưa giải quyết, trong đó có tiền hưởng chênh lệch, hoa hồng, thuê ghe vận chuyển, thuê nhân công và tiền lúa giống. Tuy nhiên ông Bình đại diện HTX T tại tòa khẳng định yêu cầu Công ty trả nợ, không cầu yêu HTX An H. Còn giữa Công ty và HTX An H cũng cho rằng chưa phát sinh yêu cầu giải quyết tranh chấp giữa các bên, nên việc cấp sơ thẩm chưa xem xét là phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Ngoài nội dung kháng cáo HTX T còn khởi kiện yêu cầu HTX T trả số tiền 02 máy bơm nước với giá 7.000.000 đồng và yêu hợp tác xã An H trả lại số tiền mượn 14.740.000 đồng; Tổng cộng 21.470.000^d. Yêu cầu của nguyên đơn đã được xem xét và quyết định trong bản án sơ thẩm các đương sự không kháng cáo nên Hội đồng xử không xem xét.

Từ nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 357, Điều 430, Điều 440, Bộ luật dân sự năm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Hợp tác xã T do ông Trần Văn B đại diện.

Chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Buộc Hợp tác xã Nông nghiệp An H do ông Nguyễn Văn P đại diện có nghĩa vụ trả cho Hợp tác xã T số tiền 21.470.000 đồng (*hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã T do ông Trần Văn B đại diện về việc yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Ngọc Q trả số tiền 154.678.000^d (*một trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Hợp tác xã T phải nộp 7.733.900^d (*bảy triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn chín trăm đồng*), nguyên đơn hợp tác xã T đã nộp trước 4.410.000^d (*bốn triệu bốn trăm mười ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0005115 ngày 17/11/2020 nên nguyên đơn hợp tác xã T còn phải nộp thêm 3.323.900^d (*ba triệu ba trăm hai mươi ba ngàn chín trăm đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M.

Bị đơn Hợp tác xã nông nghiệp An H do ông Nguyễn Văn P đại diện phải nộp 1.073.500^d (*một triệu không trăm bảy mươi ba ngàn năm trăm đồng*).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Hợp tác xã T phải nộp 300.000^d (*ba trăm ngàn đồng*); được khấu trừ 300.000^d tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004207, ngày 14/4/2022 của chi cục Thi hành án thị xã M tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 08 tháng 9 năm 2022.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thị xã M;
- CC THADS thị xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Hoàng Khải